



Chinlingo Chinese

1 on 1 live course

Pronunciation Correction

发音训练

Intonation

✦ Instructions



- **Warm-up**
- **Differentiation**
- **Just talk**

Warm-up

Diagnostic test



yǔ máo

yóng yuǎn

piāo luò

wēn nuǎn

mì jú

qīn qiè

xiāng guā

yīn qiē

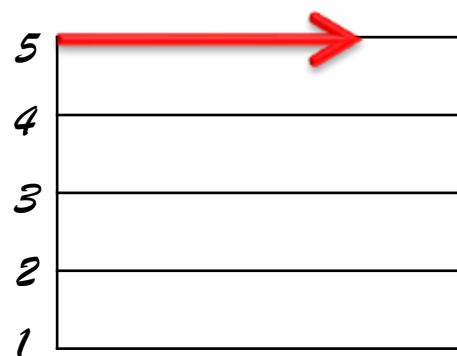
pú tao

hú jiǎ hǔ wēi

hú jiǎ hǔ wēi

Differentiation 1

The Basic Knowledge of Tones



mā

妈

mother

(1st tone: high&flat)

The first tone

Read

Pronunciation exercise

jīng xīn

shān xī

jiāng jūn

cūn zhuāng

xī yān

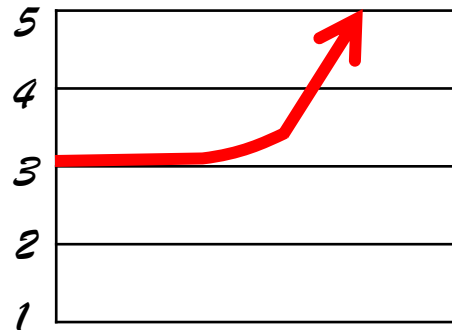
guāng yīn

dōng fēng

zhōng yāng

Differentiation 1

The Basic Knowledge of Tones



má

麻

fibrous crops

(2^{ed} tone: rising)

The second tone

Read

Pronunciation exercise

rén mín

lián hé

yuán zé

liú xíng

yú táng

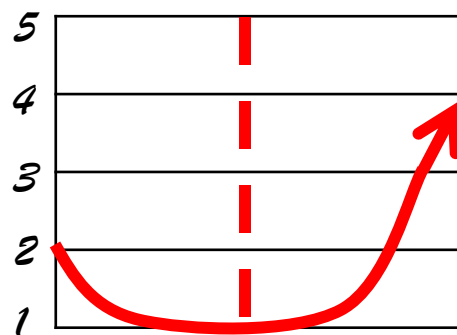
ér tóng

yán gé

zhú lín

Differentiation 1

The Basic Knowledge of Tones



The third tone

mǎ

马

horse

(3rd tone: falling then rising)

Read

Pronunciation exercise

yǒng gǎn

dǎ sǎo

lǐ xiǎng

měi hǎo

lǐng dǎo

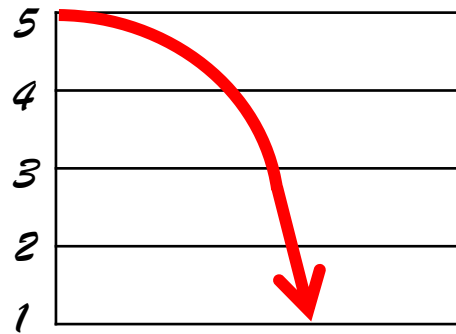
yǔn xǔ

měi wǎn

fǔ dǎo

Differentiation 1

The Basic Knowledge of Tones



The fourth tone

mà

骂

to scold

(4th tone: falling)

绕口令 tongue twister .

妈妈骑马，马慢妈妈骂马。

Read

Pronunciation exercise

xì jù

diàn shì

bì yè

huì yì

dì dào

hè sè

zhù yì

shàng kè

Differentiation 2

Intonation Exercises

1.kōng qì qīng xīn de zǎo chén

2.chuān zhuó kā fēi sè yáng pí wài yī de zhōng nián rén

3.yì pán lù zhe huì yì nèi róng de cí dài

4.guān kàn dé fēi cháng rèn zhēn zǐ xì

5.yòu xīng fèn yòu jī dòng dì shuō

6.měi lì dé ràng rén chī jīng

Just talk

绕口令 **tongue twister** .

Lǎo shī lǎo shì jiào lǎo shǐ qù lāo miàn ,
老师老 是叫老史去捞面，

Lǎo shǐ lǎo shì méi yǒu qù lāo miàn ,
老史老 是没有去捞面，

Lǎo shǐ lǎo shì piàn lǎo shī ,
老史老 是骗老师，

Lǎo shī lǎo shì shuō lǎo shǐ bú lǎo shí 。
老师老 是说老史不老实。

猜一猜 **Guess** .

Yuǎn kàn shān yǒu sè ,
远看山有色，

Jìn tīng shuǐ wú shēng 。
近听水无声。

Chūn qù huā hái zài ,
春去花还在，

Rén lái niǎo bú jīng
人来鸟不惊。

Thank you

